

THÔNG BÁO MỜI BÁO GIÁ
Về việc dịch vụ thẩm định giá tài sản công cụ dụng cụ phế thải
năm 2025 tại Bệnh viện Ung Bướu (cơ sở 1)

Căn cứ Quyết định về việc thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ phế thải;

Bệnh viện Ung Bướu có kế hoạch thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ phế thải theo danh mục (đính kèm).

Kính mời các đơn vị có chức năng thẩm định giá quan tâm, có khả năng cung cấp báo giá theo mẫu báo giá đính kèm.

Đề nghị các đơn vị cung cấp gửi file excel và bản scan báo giá có đóng dấu theo mẫu đến địa chỉ email: baogiahcqt@gmail.com

Hồ sơ báo giá gửi trực tiếp về địa chỉ: Phòng Hành chính Quản trị, Bệnh viện Ung Bướu – Số 12, Đường 400, Khu phố 3, phường Tân Phú, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm:

- Bảng báo giá có hiệu lực.
- Quyết định trúng thầu hoặc Thông báo trúng thầu, Hợp đồng thẩm định giá còn hiệu lực đối danh mục đã thẩm định giá thanh lý tài sản công cụ dụng cụ phế thải tương tự (nếu có).

Thời gian nhận báo giá: kể từ ngày đăng thông báo trên website của Bệnh viện Ung Bướu đến 16 giờ, ngày 30/ 5/ 2025.

(Đính kèm Danh mục thẩm định giá).

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Các đơn vị có quan tâm;
- Lưu: VT, HCQT. (ĐTNT 2b).

KL. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Võ Đức Hiếu

PHỤ LỤC DANH MỤC THẨM ĐỊNH GIÁ

Tài sản công cụ dụng cụ phải thải tại Bệnh viện Ung Bướu (cơ sở 1)

(Kèm theo Thông báo mời giá của Bệnh viện Ung Bướu, ngày 22 tháng 5 năm 2025)

mã tài sản	stt	tên, đặc điểm, ký hiệu tscđ	thông số kỹ thuật	năm sử dụng	đơn vị tính	giá trị đang ghi sổ				
						số lượng	nguyên giá	thành tiền	giá trị hao mòn trích tới thời điểm thanh lý	giá trị còn lại
1	2	3	4	5		6	7		8	9
TÀI SẢN CÓ NGUYÊN GIÁ TRÊN 500 TRIỆU										
2974	1	Máy Điều Hòa Không Khí	Hệ Thống Điều Hòa Không Khí (Năm 2010)	2017	Hệ thống	1	2,961,000,000	2,961,000,000	2,961,000,000	0
635A	2	Máy Điều Hòa Không Khí	Hệ Thống Làm Lạnh Trung Tâm Lianchi; Máy Bơm Nước Cho Hệ Thống Teco	KXĐ	Hệ thống	1	1,381,366,000	1,381,366,000	1,381,366,000	0
635B	3	Máy Điều Hòa Không Khí	Hệ Thống Làm Lạnh Trung Tâm Lianchi; Máy Bơm Nước Cho Hệ Thống Teco (Sân Thượng Xtgt)	KXĐ	Hệ thống	1	1,381,366,000	1,381,366,000	1,381,366,000	0

1021 A1	4	Hệ Thống Xử Lý Nước Thải (Cs I) Bồn Lọc	0	KXD	Hệ thống	1	1,182,990,000	1,182,990,000	1,182,990,000	0
1021 A2	5	Hệ Thống Xử Lý Nước Thải (Cs I) Bồn Lọc	0	KXD	Hệ thống	1	1,182,990,000	1,182,990,000	1,182,990,000	0
1022	6	Máy Ép Bùn Belpre ss Td 2/1000 (Htxl Nước Thải Csi)	0	KXD	Hệ thống	1	715,000,000	715,000,000	715,000,000	0
TÀI SẢN NGUYÊN GIÁ DƯỚI 500 TRIỆU										
767A	7	Máy Điều Hòa Không Khí	Toshiba, 2Hp, Sn: 4300050 6	2004	Cái	1	13,000,000	13,000,000	13,000,000	0
767B	8	Máy Điều Hòa Không Khí	Toshiba	2004	Cái	1	13,000,000	13,000,000	13,000,000	0
764	9	Máy Điều Hòa Không Khí	Carier - Ft50Bv m/R50B v1	2009	Cái	1	12,600,000	12,600,000	12,600,000	0
606	10	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m/R50B v1	2010	Cái	1	13,450,000	13,450,000	13,450,000	0
608	11	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin- Xtgt, 1,5Hp	2010	Cái	1	18,595,060	18,595,060	18,595,060	0

679	12	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,450,000	13,450,000	13,450,000	0
690	13	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Fte50Lv 1V	2010	Cái	1	13,350,000	13,350,000	13,350,000	0
691	14	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,350,000	13,350,000	13,350,000	0
698	15	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m/R50B v1	2010	Cái	1	13,350,000	13,350,000	13,350,000	0
702	16	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin 50 Ft Fvm	2010	Cái	1	13,450,000	13,450,000	13,450,000	0
703	17	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin 50 Ft Fvm	2010	Cái	1	13,450,000	13,450,000	13,450,000	0
715	18	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m/R50B v1	2010	Cái	1	13,450,000	13,450,000	13,450,000	0
716	19	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m/R50B v1	2010	Cái	1	13,450,000	13,450,000	13,450,000	0
717	20	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m/R50B v2	2010	Cái	1	13,400,000	13,400,000	13,400,000	0
718	21	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m/R50B v2	2010	Cái	1	13,400,000	13,400,000	13,400,000	0
727	22	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m/R50B v2	2010	Cái	1	13,400,000	13,400,000	13,400,000	0

728	23	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m/R50B v2	2010	Cái	1	13,400,000	13,400,000	13,400,000	0
734	24	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Fte50Kv 1	2012	Cái	1	14,650,000	14,650,000	14,650,000	0
739	25	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
796	26	Kết Sắt	Loai Bauche	2004	Cái	1	10,795,000	10,795,000	10,795,000	0
740	27	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
757	28	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m/R50B v1 (Tekt)	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
762	29	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m/R50B v1	2010	Cái	1	13,450,000	13,450,000	13,450,000	0
738A	30	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
738B	31	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
738C	32	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
741A	33	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
741B	34	Máy Điều Hòa	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0

		Không Khí	Sn:E010 100-(2)							
741C	35	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
741D	36	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
742A	37	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
742B	38	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
742C	39	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50Fv m	2010	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
735	40	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Fte50Lv 1V	2012	Cái	1	14,650,000	14,650,000	14,650,000	0
755	41	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50 Fvm	2011	Cái	1	13,750,000	13,750,000	13,750,000	0
687	42	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ft50 Fvm	2011	Cái	1	13,750,000	13,750,000	13,750,000	0
765	43	Máy Điều Hòa Không Khí	Panason ic, 2Hp	2012	Cái	1	14,000,000	14,000,000	14,000,000	0
2374	44	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Fte50Lv 1V/Re5 0Lv1V	2014	Cái	1	15,650,000	15,650,000	15,650,000	0
2381	45	Máy Điều Hòa	Daikin Fte50Lv 1V/Re5	2014	Cái	1	15,650,000	15,650,000	15,650,000	0

		Không Khí	0Lv1V (P.Trực)							
2423	46	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ftne50 Mv1, Công Suất 2Hp (P.Trực)	2014	Cái	1	15,650,000	15,650,000	15,650,000	0
2465	47	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ftne35 Mv1V/ Rne35M v1V (P.Pgđ)	2015	Cái	1	10,650,000	10,650,000	10,650,000	0
2603	48	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ftne35 Mv1V/ Rne35M v1V	2015	Cái	1	12,265,000	12,265,000	12,265,000	0
2612	49	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ftne35 Mv1V9/ Rnemv1 V9 (Bs Chấn Hùng)	2016	Cái	1	12,650,000	12,650,000	12,650,000	0
2685	50	Tủ Lạnh, Máy Làm Mát	Hệ Thống Lạnh Tủ Trữ Xác (Máy Nén Lạnh, Pin Lọc, Dàn Nóng, Dàn Lạnh, Gas,...)	2016	Cái	1	91,289,000	91,289,000	91,289,000	0
2696	51	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ftne50 Mv1V/ Rne50M v1V	2016	Cái	1	17,380,000	17,380,000	17,380,000	0
2771	52	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ftne 35Mv1 V9/Rne 35Mv1 V9	2016	Cái	1	12,650,000	12,650,000	12,650,000	0
2846	53	Máy Điều Hòa	Daikin Ftne50 Mv1V/ Rne50M	2017	Cái	1	15,690,000	15,690,000	15,690,000	0

		Không Khí	v1V Số Imei							
2906	54	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,812	18,646,812	18,646,812	0
2907	55	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,812	18,646,812	18,646,812	0
2908	56	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,812	18,646,812	18,646,812	0
2909	57	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,812	18,646,812	18,646,812	0
2910	58	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0
2911	59	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0
2912	60	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0
2913	61	Máy Điều Hòa	Mitsubis hi Srk 18Yn-	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0



		Không Khí	S5/Src 18Yn- S5							
2914	62	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0
2915	63	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0
2916	64	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0
2917	65	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0
2918	66	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0
2919	67	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0
2920	68	Máy Điều Hòa Không Khí	Mitsubis hi Srk 18Yn- S5/Src 18Yn- S5	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0
2921	69	Máy Điều Hòa	Mitsubis hi Srk 18Yn-	2017	Cái	1	18,646,813	18,646,813	18,646,813	0

		Không Khí	S5/Src 18Yn- S5							
632	70	Tủ Lạnh, Máy Làm Mát	Hệ Thống Lạnh 125Hp Carrier (Xtgt)	KXĐ	Cái	1	70,000,000	70,000,000	70,000,000	0
634	71	Tủ Lạnh, Máy Làm Mát	Hệ Thống Lạnh Hội Trường Carrier 38Lza12 5-90125 (Xạ Trị Gia Tốc), 3710M0 2554	KXĐ	Cái	1	31,800,000	31,800,000	31,800,000	0
647A	72	Máy Điều Hòa Không Khí	Retech (Áp Trần) (Hội Trường A)	KXĐ	Cái	1	23,000,000	23,000,000	23,000,000	0
647B	73	Máy Điều Hòa Không Khí	Retech (Áp Trần) (Hội Trường A)	KXĐ	Cái	1	23,000,000	23,000,000	23,000,000	0
647C	74	Máy Điều Hòa Không Khí	Retech (Áp Trần) (Hội Trường A)	KXĐ	Cái	1	23,000,000	23,000,000	23,000,000	0
647D	75	Máy Điều Hòa Không Khí	Retech (Áp Trần) (Hội Trường A)	KXĐ	Cái	1	23,000,000	23,000,000	23,000,000	0
2350	76	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Fte50Lv 1V/Re5 0Lv1V	2014	Cái	1	15,250,000	15,250,000	15,250,000	0
2462	77	Máy Điều Hòa	Daikin Ftne50 Mv1V/ Rne50M	2015	Cái	1	15,650,000	15,650,000	15,650,000	0

		Không Khí	v1V (Đlt)							
2463	78	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ftne50 Mv1V/ Rne50M v1V (Đlt)	2015	Cái	1	15,650,000	15,650,000	15,650,000	0
2464	79	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ftne50 Mv1V/ Rne50M v1V (Đlt)	2015	Cái	1	15,650,000	15,650,000	15,650,000	0
2600	80	Máy Điều Hòa Không Khí	Daikin Ftne50 Mv1V/ Rne50M v1V	2015	Cái	1	16,940,000	16,940,000	16,940,000	0
915	81	Tủ, Kệ	Gia Công Tủ Đựng Vật Dụng, Hồ Sơ	2004	Cái	1	12,711,000	12,711,000	12,711,000	0
119E	82	Máy Vi Tính	E5400 2.7Ghz 1Gb+ Philips (Màn Hình Samsun g)	2010	Cái	1	10,306,000	10,306,000	10,306,000	0
821	83	Bàn - Ghế	Tủ Inox, 5 Ngăn Kéo	2010	Cái	1	14,000,000	14,000,000	14,000,000	0
917	84	Tủ, Kệ	Tủ Kính Treo Tường (170X8 0X40 Cm)	2011	Cái	1	13,000,000	13,000,000	13,000,000	0
1013	85	Máy Xay Thịt Inox 750W		2011	Cái	1	17,000,000	17,000,000	17,000,000	0
975A 1	86	Thiết Bị Điện	Bộ Lưu Điện Apc Smart	2012	Cái	1	10,186,000	10,186,000	10,186,000	0

			Ups Sua 1500I							
975A 2	87	Thiết Bị Điện	Bộ Lưu Điện Apc Smart Ups Sua 1500I	2012	Cái	1	10,186,000	10,186,000	10,186,000	0
226A 11	88	Máy Vi Tính	Digital, Màn Hình Asus, Core I3- 3220, Cpu 3.3Ghz, Ram 2Gb	2013	Cái	1	13,760,000	13,760,000	13,760,000	0
2368	89	Máy Vi Tính	I3, Mạch Chính B75M, Màn Hình Lg	2014	Cái	1	13,266,000	13,266,000	13,266,000	0
2387	90	Máy Vi Tính	(Main Ga- B75M, Cpu I3, Ram 4Gb, Chuột, Monitor 19" Sam Sung, Hdd: 500Gb, Case: Sp, Power Sp700W , Mh Acer	2014	Cái	1	13,555,080	13,555,080	13,555,080	0
2385	91	Máy In	Hp Clj 400 M451N w- Ce956A	2014	Cái	1	17,087,400	17,087,400	17,087,400	0
2405	92	Máy In	Brother HI5450 Dn + Mực In Brother 3320	2014	Cái	1	11,462,000	11,462,000	11,462,000	0

2536	93	Máy In	Canon Lbp 3500, Xuất Xứ Trung Quốc	2015	Cái	1	18,216,000	18,216,000	18,216,000	0
2724	94	Máy Vi Tính	Core I3, Mạch Chính Ổ Cứng Bàn Phím + Chuột/ Bộ Nhớ 2Gb, Màn Hình Dell 1916, Core I3-4150, Ram 2Gb	2016	Cái	1	12,441,000	12,441,000	12,441,000	0
2639	95	Máy In	Canon	2016	Cái	1	15,180,000	15,180,000	15,180,000	0
2935	96	Máy Vi Tính	Máy Vi Tính Để Bàn Vipo V937-866 I3-6100/H1 10/4Gb Ddr4/1T b/Dvdrom/18.5"	2017	Cái	1	10,631,478	10,631,478	10,631,478	0
2855	97	Máy In	Hp Laserjet Color Pro 2600	2017	Cái	1	13,200,000	13,200,000	13,200,000	0
3096	98	Máy Vi Tính	Core I5, -6400, Ram 4Gb. Màn Hình Venr. Theo Hđ Số 1715/M sts/Hdk-Syt	2018	Cái	1	11,310,000	11,310,000	11,310,000	0

3144	99	Máy Vi Tính	Core I5, -6400, Ram 4Gb. Màn Hình Venr. Theo Hd Số 1715/M sts/Hdk-Syt	2018	Cái	1	11,310,000	11,310,000	11,310,000	0
4033	100	Máy In Laser Hp Ent M553 Dn-B5L25 A	0	2020	Cái	1	32,780,000	32,780,000	32,780,000	0
347	101	Máy In	Canon Lbp 3500	2009	Cái	1	14,344,000	14,344,000	14,344,000	0
3292	102	Máy In	Canon Lbp 3500	2018	Cái	1	14,674,000	14,674,000	14,674,000	0
1040	103	Ups Santak 2Kva Online C2K-E	0	2011	Cái	1	16,522,000	16,522,000	16,522,000	0
2484	104	Máy Vi Tính	Nplus Core I7-4790+ Monitor Lg 18.5" (Ds Vĩnh-Pgđ)	2015	Cái	1	14,894,000	14,894,000	14,894,000	0
100	105	Máy Vi Tính	Dell 2020 - M8Tgk3 -Black, Màn Hình Samsung	2013	Cái	1	13,390,000	13,390,000	13,390,000	0
226A 10	106	Máy Vi Tính	Digital, Màn Hình Asus, Core I3-3220, Cpu 3.3Ghz,	2013	Cái	1	13,760,000	13,760,000	13,760,000	0

			Ram 2Gb							
828	107	Tủ, Kệ	Tủ Inox Đựng Dụng Cụ Kt (Dài: 1100, Rộng 500, Cao 2180 Mm)Ino x	2013	Cái	1	15,500,000	15,500,000	15,500,000	0
2389	108	Máy Vi Tinh	(Main Ga- B75M, Cpu I3, Ram 4Gb, Chuột, Monitor 19" Sam Sung, Hdd: 500Gb, Case: Sp, Power Sp700W)	2014	Cái	1	13,555,080	13,555,080	13,555,080	0
2514	109	Máy Vi Tinh	Core I3-4150 (3.4Ghz) , Hdd: 500Gb Western Sata 3, Ram: Kingma x 2X2Gb Ddr3 1600 + Màn Hình Samsun g S19C30 0B: 18.5" - Xuất Xứ Trung Quốc	2015	Cái	1	13,431,000	13,431,000	13,431,000	0

2515	110	Máy Vi Tính	Core I3-4150 (3.4Ghz), Hdd: 500Gb Western Sata 3, Ram: Kingma x 2X2Gb Ddr3 1600 + Màn Hình Samsun g S19C30 0B: 18.5" - Xuất Xứ Trung Quốc	2015	Cái	1	13,431,000	13,431,000	13,431,000	0
2759	111	Máy Lọc Nước Dwp-800 (S) Wine	0	2016	Cái	1	10,340,000	10,340,000	10,340,000	0
2943	112	Máy Vi Tính	Máy Vi Tính Để Bàn Vipo V937-866 I3-6100/H1 10/4Gb Ddr4/1T b/Dvdrom/18.5"	2017	Cái	1	10,631,478	10,631,478	10,631,478	0
3399	113	Bộ Nguồn Cấp Điện Liên Tục	Cyber Power Ols1500 Ert2U (Hđ 0808/Hđ mb/Thn g&Bvun gbuou)	2018	Cái	1	18,997,000	18,997,000	18,997,000	0
3400	114	Bộ Nguồn Cấp Điện Liên Tục	Cyber Power Ols1500 Ert2U (Hđ 0808/Hđ	2018	Cái	1	18,997,000	18,997,000	18,997,000	0

			mb/Thn g&Bvun gbuou)							
2854	115	Giờn g Inox 4 Khúc (75X3 0X30 X50) Cm, Gồm Nệm + Bảng Đầu Giờn g	0	2017	Cái	1	11,000,000	11,000,000	11,000,000	0
3159	116	Máy Vi Tính	Core I5, -6400, Ram 4Gb. Màn Hình Venr. Theo Hđ Số 1715/M sts/Hdk- Syt	2018	Cái	1	11,310,000	11,310,000	11,310,000	0
3577	117	Tivi	Uhd Sam Sung Ua43Nu 7100Kx xv	2019	Cái	1	11,400,000	11,400,000	11,400,000	0
3696	118	Máy In Laser Màu Hp	Color Laserjet Pro M452D n	2019	Cái	1	13,530,000	13,530,000	13,530,000	0
3546	119	Tivi	Sony	2019	Cái	1	11,400,000	11,400,000	11,400,000	0
3951	120	Máy In	Slp- Tx403E g/Tan	2019	Cái	1	10,450,000	10,450,000	10,450,000	0
3558	121	Tivi	Uhd Sam Sung Ua43Nu 7100Kx xv	2019	Cái	1	11,400,000	11,400,000	11,400,000	0

4090	122	Lát Đặt Vỏ Tủ Sơn Tĩnh Điện	Kt: 700*500 *325*T 1,2 (Hệ Thống Thanh Cái Bọc Co Nhiệt Ip42 Self Standin g, Indoor Type 7035)	2020	Cái	1	11,655,200	11,655,200	11,655,200	0
909	123	Tủ, Kệ	Gia Công Tủ Hồ Sơ Và Vật Dụng	2009	Cái	1	49,774,000	49,774,000	49,774,000	0
578A	124	Tủ Lạnh, Máy Làm Mát	Máy Nước Nóng Năng Lượng Mặt Trời Cfp-X- 220 (Khu D)	2012	Cái	1	21,000,000	21,000,000	21,000,000	0
578B	125	Tủ Lạnh, Máy Làm Mát	Máy Nước Nóng Năng Lượng Mặt Trời Cfp-X- 220 (Khu D)	2012	Cái	1	21,000,000	21,000,000	21,000,000	0

2402	126	Lắp Đặt Ht Song Chấn Rác Cho Ht Xử Lý Nước Thải Theo Hđ:03 12/201 3Ww-Vijeco Ngày 03/12/ 2013 (Sửa Chữa Cho Ht Thu Gom Và Trạm Xử Lý Nước Thải Theo Hđ: 1184/ Hđ.20 09 (Bổ Sung Nguyê n Giá 6.499. 848.00 0Đ+70 .400.0 00Đ)	0	2014	Hệ thống	1	70,400,000	70,400,000	70,400,000	0
2488	127	Cung Cấp, Lắp Đặt Hoàn Chính 1 Máy Thổi Khí Cho Hệ Thống Xử Lý Nước Thải	0	2015	Hệ thống	1	99,010,000	99,010,000	99,010,000	0

		Hiện Hữu Công Suất 700 M3/Ngày Theo Hđ 03042 015/W w-Vijeco Ngày 03/04/2015)								
2526	128	Lắp Tủ Điều Khiển Bơm Và Hệ Thống Ống Nước Hầm Thu Nước Thải Phòng Máy Spes Theo Hđ: 022/H đ.2015 Ngày 22/06/2015)	0	2015	Hệ thống	1	77,621,000	77,621,000	77,621,000	0
797	129	Kết Sắt Bmc Safe	2008	Cái	1	14,278,000	14,278,000	14,278,000	0	
3516	130	Tủ Hồ Sơ Kt: 4250X 2000 Sắt Sơn Tĩnh Điện, Có Chia Nhiều Ngăn. Năm 2015 Trở Lại Đây	2018	Cái	1	13,437,639	13,437,639	13,437,639	0	
4087	131	Máy Giặt Toshiba a Aw-	0	2020	Cái	1	15,334,000	15,334,000	15,334,000	0

		Duj 1400 Gv(Kk)								
4206	132	Máy Điều Hòa Cục 1 Bộ Chiều Lạnh, Điện Áp 3 Pha	Model: Ru 48- Ba- A/Rc48- Bau-A, Hiệu Retch	2020	Cái	1	33,110,000	33,110,000	33,110,000	0
4207	133	Máy Điều Hòa Cục 1 Bộ Chiều Lạnh, Điện Áp 3 Pha	Model: Ru 48- Ba- A/Rc48- Bau-A, Hiệu Retch	2020	Cái	1	33,110,000	33,110,000	33,110,000	0
4208	134	Máy Điều Hòa Cục 1 Bộ Chiều Lạnh, Điện Áp 3 Pha	Model: Ru 48- Ba- A/Rc48- Bau-A, Hiệu Retch	2020	Cái	1	33,110,000	33,110,000	33,110,000	0
87	135	Máy Vi Tinh	Intel ® Core I5 Cpu 650@3. 20Ghz 319Ghz Ram: 2.00Gb 32 Bit; Kèm Theo Màn Hình Sam Sung Sync Master P2070	2011	Cái	1	16,786,000	16,786,000	16,786,000	0

88	136	Máy Vi Tính	Intel ® Core I5 Cpu 650@3.20Ghz 319Ghz Ram: 2.00Gb 32 Bit; Kèm Theo Màn Hình Sam Sung Sync Master P2070	2011	Cái	1	16,786,000	16,786,000	16,786,000	0
2544	137	Lắp Đặt Mới Tủ Điện Khu B (Theo Hđ 030/H đ.2015 Ngày 01/07/2015)	0	2015	Cái	1	96,159,800	96,159,800	96,159,800	0
2545	138	Lắp Đặt Mới Tủ Điện Khối Nội Khoa Phẫu Thuật (Theo Hđ 032/H đ.2015 Ngày 20/07/2015)	0	2015	Cái	1	93,945,500	93,945,500	93,945,500	0
2694	139	Máy Bơm Nước	Máy Bơm Nước 10 Hp Teco 380V	2016	Cái	1	18,300,000	18,300,000	18,300,000	0
2706	140	Thiết Bị Ghi Thông	0	2016	Cái	1	87,318,000	87,318,000	87,318,000	0

		Số Điện Năng Fluke 1730 - Đức								
2838	141	Máy Bơm Nước	Máy Bơm Chìm 5Hp, Xuất Xứ: Đài Loan, Sx 380V, Bảo Hành (06 Tháng)	2017	Cái	1	14,000,000	14,000,000	14,000,000	0
2900	142	Cold Máy Nén Khí Persus Tm-V1.05/12 Điện Áp 3 Phas 380V, Công Suất 7,5Kw 10Hp, Lưu Lượng 1050 Lít/Phút, Áp Lực 8Kg/Cm, Dung Tích 500 Lít.	0	2017	Cái	1	55,000,000	55,000,000	55,000,000	0
2976	143	Hệ Thống Chống Sét (Năm 2006)	0	2017	Hệ thống	1	199,500,000	199,500,000	199,500,000	0
2978	144	Máy Phát Điện	0	2017	Hệ thống	1	499,800,000	499,800,000	499,800,000	0

		Dự Phòng (Năm 2006)								
556	145	Thiết Bị Âm Thanh	Hệ Thống Âm Thanh (Ht D- Xtgt)	KXĐ	Hệ thống	1	17,290,000	17,290,000	17,290,000	0
559	146	Thiết Bị Âm Thanh	Hệ Thống Âm Thanh Micro Điện Tử Tt908 Tinasot; Amly Power (Ht Giao Ban- Bgđ)	KXĐ	Hệ thống	1	17,290,000	17,290,000	17,290,000	0
1060	147	Thiết Bị Điện (Phát Điện)	Máy Phát Điện Datakon Gs400 (Khu E)400W a. Sn:1371 3616	KXĐ	Cái	1	55,000,000	55,000,000	55,000,000	
1061	148	Thiết Bị Điện (Phát Điện)	Máy Phát Điện Mitsubisi Mgs045 0B (Khu E)500W a	KXĐ	Cái	1	150,000,000	150,000,000	150,000,000	0
4087	149	Máy Giặt Toshiba Aw- Duj 1400 Gv(Kk)	0	2020	Cái	1	15,334,000	15,334,000	15,334,000	0
2977	150	Hệ Thống Phòng Cháy Và Bảo	0	2017	Cái	1	399,000,000	399,000,000	399,000,000	0

		Cháy Tự Động								
999	151	Hệ Thống Chống Sét	0	2010	Hệ thống	1	179,919,300	179,919,300	179,919,300	0
43	152	Lắp Đặt Hệ Thống Chống Sét Tích Cực	0	2007	Hệ thống	1	69,922,600	69,922,600	69,922,600	0
1000	153	Hệ Thống Tiếp Đất	0	2010	Hệ thống	1	60,132,600	60,132,600	60,132,600	0
1001	154	Vật Tư Phụ Thi Công Hệ Thống Cáp	0	2010	Hệ thống	1	76,214,600	76,214,600	76,214,600	0
948	155	Thiết Bị Mạng	Thiết Bị Chuyển Mạch co 2960- 48Tcl	2011	Hệ thống	1	47,190,000	47,190,000	47,190,000	0
CÔNG CỤ DỤNG CỤ										
	156	Giờ g sắt sơn tĩnh điện + Nệm		2010	Cái	300	9,800,000	2,940,000,000	2,940,000,000	0
TỔNG						455	13,345,787,818	16,275,987,818	16,275,987,818	0